

Số: **19** /2019/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **10** tháng **6** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng,
quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý cây xanh đô thị
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010;
Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;
Căn cứ Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ quy định việc thực hiện kết luận thanh tra;
Căn cứ Nghị định số 26/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngành Xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;
Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;
Căn cứ Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở;
Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ quy định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ quy định về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 105/TTr-SXD ngày 24/5/2019 và Văn bản số 755/STP-XD&KTVB ngày 16/5/2019 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/6/2019 và thay thế Quyết định số 1669/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KTVBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Thành ủy, TT HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH TP Hải Phòng;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Như Điều 3;
- Các PCVP UBND TP;
- Các phòng CV;
- Công báo TP, Báo HP, Đài PT&TH HP, Công TTĐT TP, Báo ANHP;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý trật tự xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2019/QĐ-UBND ngày 10 / 6 /2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong thực hiện công tác quản lý trật tự xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa và Thể thao, Thông tin và Truyền thông; Công an thành phố; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

b) Thanh tra các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa và Thể thao, Thông tin và Truyền thông.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo quy định pháp luật.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị là các công trình: giao thông, viễn thông, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn trong đô thị, khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở, khu công nghiệp, khu kinh tế và khu công nghệ cao.

2. Thanh tra viên, cán bộ, công chức chịu trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; quản lý cây xanh đô thị gồm:

a) Thanh tra viên, cán bộ công chức thuộc Thanh tra các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa và Thể thao, Thông tin và Truyền thông (Gọi tắt là cán bộ Thanh tra Sở).

b) Cán bộ, công chức thuộc Phòng chuyên môn quản lý xây dựng, đô thị,

hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, cây xanh đô thị (*Gọi tắt là cán bộ quản lý cấp huyện*).

c) Công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã) được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị (*Gọi tắt là cán bộ quản lý cấp xã*).

d) Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng được giao nhiệm vụ quản lý xây dựng (*Gọi tắt là cán bộ Khu kinh tế*).

3. *Thông tin phản ánh các hành vi vi phạm pháp luật* về lĩnh vực quy định trong quy chế này là:

- Việc phản ánh, báo tin của các cá nhân, tổ chức bằng hình thức điện thoại, hộp thư thoại, hộp thư điện tử, tin nhắn, tin báo trực tiếp, đơn trình báo gửi đến các cơ quan nhà nước và các cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận thông tin theo quy định.

- Thông tin phản ánh qua các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc kiểm tra và quan hệ phối hợp hoạt động

1. Nguyên tắc kiểm tra:

a) Công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên theo chức năng quản lý nhà nước, bảo đảm kịp thời đúng các quy định của pháp luật, chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ.

b) Khi kiểm tra theo kế hoạch, theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, theo thông tin phản ánh các hành vi vi phạm thì phải có thông báo hoặc giấy mời.

c) Kết quả kiểm tra phải được lập biên bản và thông báo bằng văn bản về kết quả kiểm tra.

d) Các vi phạm phát hiện trong quá trình kiểm tra phải được ngăn chặn kịp thời và phải được xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc trong quan hệ phối hợp hoạt động:

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình phối hợp phải thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định. Việc phối hợp phải đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, không chồng chéo; xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan.

Chương II

TỔ CHỨC TIẾP NHẬN, XỬ LÝ THÔNG TIN PHẢN ÁNH CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 4. Phản ánh thông tin

Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, cây xanh đô thị có trách

nhiệm phản ánh thông tin đến các cơ quan nhà nước và những người có thẩm quyền được quy định tại Điều 5 của Quy chế này để được xác minh, xử lý theo quy định.

Điều 5. Trách nhiệm tiếp nhận thông tin phản ánh

1. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận thông tin:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Thanh tra các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa và Thể thao, Thông tin và Truyền thông, cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Sở (theo Khoản 6 Điều 3 và Điều 9 Luật Thanh tra năm 2010).

d) Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận thông tin về hành vi vi phạm các công trình thuộc phạm vi quản lý phải công khai số điện thoại, hộp thư điện tử, số tiếp nhận thông tin tại trụ sở cơ quan, đơn vị.

2. Các cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận thông tin:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chánh Thanh tra các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa và Thể thao; Thông tin và Truyền thông; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

b) Cán bộ tiếp công dân thuộc Ủy ban nhân dân các cấp.

c) Thanh tra viên, cán bộ, công chức theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 Quy chế này.

Điều 6. Trách nhiệm xử lý thông tin phản ánh

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận thông tin, cơ quan, cá nhân nhận được thông tin phản ánh có trách nhiệm phân loại thông tin tiếp nhận. Trường hợp thông tin phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của mình thì thực hiện xử lý; trường hợp thông tin phản ánh không thuộc thẩm quyền xử lý của mình thì chuyển thông tin phản ánh đến cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định, đồng thời chuyển Sở quản lý chuyên ngành để theo dõi, đôn đốc việc xử lý.

2. Sau khi tiếp nhận thông tin phản ánh, cơ quan có thẩm quyền xử lý phải thực hiện xác minh thông tin đã tiếp nhận. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền thực hiện xác minh thông tin.

3. Chánh Thanh tra các Sở: Xây dựng, Giao thông và Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa và Thể thao, Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi kết quả xử lý thông tin phản ánh đã được tiếp nhận.

Chương III
TRÁCH NHIỆM KIỂM TRA, PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM
TRẬT TỰ XÂY DỰNG

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức, cá nhân trong việc kiểm tra, phát hiện và xử lý công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng

1. Cán bộ quản lý cấp huyện, cấp xã, cán bộ thanh tra Sở được phân công nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, phát hiện và báo cáo kịp thời những vi phạm trật tự xây dựng thuộc địa bàn được phân công hoặc có biện pháp xử lý kịp thời vi phạm trật tự xây dựng theo thẩm quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm toàn diện về tình hình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn, có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, xử lý tất cả các công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý. Các trường hợp vượt quá thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phải kịp thời chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm đề xuất chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chủ trì tổ chức kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn quản lý; căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền thực hiện hoặc chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quy trình xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng quy định tại Điều 5 Thông tư 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở.

4. Chánh Thanh tra Sở Xây dựng chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc xử lý các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng của chính quyền địa phương; chỉ đạo kiểm tra, giám sát, đôn đốc chính quyền địa phương xử lý các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng (trừ các trường hợp quy định tại Khoản 5, 6, 7, 8 của Điều này).

5. Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng vi phạm quy định trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt, phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt.

6. Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục trưởng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ quyền hạn, chức năng nhiệm vụ chỉ đạo lực lượng Thanh tra chuyên ngành chủ trì cùng Thanh tra Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý các trường hợp xây dựng vi phạm quy định của Luật Đê điều, Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Thủy lợi, Luật Thủy sản, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.

7. Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo lực lượng Thanh tra chuyên ngành chủ trì cùng Thanh tra Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý các trường hợp xây dựng vi phạm quy định của Luật Đất đai và các quy định của pháp luật khác thuộc lĩnh vực tài nguyên, môi trường liên quan tới các khu đất có công trình xây dựng vi phạm.

8. Sở Công Thương chỉ đạo lực lượng Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành chủ trì cùng Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xử lý các trường hợp xây dựng vi phạm hành lang an toàn lưới điện, hành lang bảo vệ công trình đường ống dẫn xăng, dầu, khí đốt trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

9. Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương chịu trách nhiệm chỉ đạo Chánh Thanh tra Sở đôn đốc, kiểm tra việc xử lý các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 của Điều này.

10. Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chịu trách nhiệm chỉ đạo đôn đốc cán bộ thuộc thẩm quyền kiểm tra các công trình xây dựng trong phạm vi được giao quản lý trên địa bàn thành phố. Chủ trì, phối hợp cùng Thanh tra Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan kiểm tra, đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm lập biên bản vi phạm hành chính

1. Trách nhiệm của cán bộ quản lý xây dựng cấp huyện, cấp xã:

a) Cán bộ quản lý xây dựng cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra các vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý; kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính, chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định.

b) Trường hợp cán bộ quản lý xây dựng cấp huyện, cấp xã không kịp thời lập biên bản xử lý vi phạm hành chính theo đúng quy định thì Sở quản lý chuyên ngành có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo việc kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân buông lỏng quản lý, không kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm.

2. Trách nhiệm cán bộ, thanh tra Sở:

a) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra theo quy định, khi phát hiện công trình vi phạm, cán bộ, thanh tra Sở có trách nhiệm lập biên bản xử lý vi phạm hành chính, chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định.

b) Trường hợp vi phạm phát hiện chưa được cán bộ cấp huyện, cấp xã xử lý kịp thời thì kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý trách nhiệm theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

Điều 9. Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm

hành chính được thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị và các văn bản hướng dẫn thi hành (trừ các trường hợp quy định tại các Khoản 2,3,4,5 Điều này).

2. Các trường hợp xây dựng vi phạm quy định về lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt, phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt (theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt): Trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Giao thông đường bộ và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các trường hợp xây dựng vi phạm quy định về đê điều, phòng, chống thiên tai, thủy lợi, thủy sản, bảo vệ và phát triển rừng: Trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Đê điều, Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Thủy lợi, Luật Thủy sản, Luật Bảo vệ và phát triển rừng và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Các trường hợp xây dựng công trình làm thay đổi mục đích sử dụng đất chưa được cấp có thẩm quyền cho phép (trừ các trường hợp vi phạm tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 5 Điều này): Trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Đất đai và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Các trường hợp xây dựng vi phạm hành lang an toàn lưới điện, hành lang bảo vệ công trình đường ống dẫn xăng, dầu, khí đốt trên địa bàn thành phố: Trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Điện lực; Luật Dầu khí và các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Đối với các hành vi vi phạm hành chính vượt thẩm quyền của người xử phạt thì xử lý như sau:

a) Trường hợp vi phạm vượt quá thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, trong thời hạn 03 ngày cấp xã lập hồ sơ vi phạm đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

b) Trường hợp vi phạm vượt quá thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

c) Trường đoàn thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Sở ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền của Thanh tra viên trong các cuộc thanh tra chuyên ngành theo quy định.

d) Trường hợp vi phạm vượt quá thẩm quyền của Trường đoàn thanh tra chuyên ngành và Chánh Thanh tra Sở, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày lập

biên bản vi phạm hành chính, Chánh Thanh tra Sở báo cáo Giám đốc Sở hoàn thiện hồ sơ đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm theo dõi, tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Chánh Thanh tra các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do mình ban hành.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do mình hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành; đồng thời chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các quyết định do mình hoặc Chánh Thanh tra Sở ban hành.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do mình hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chánh Thanh tra Sở ban hành.

4. Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chánh Thanh tra Sở ban hành đối với các công trình vi phạm thuộc phạm vi quản lý.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM KIỂM TRA, PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ, QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 11. Trách nhiệm cá nhân

1. Cán bộ, thanh tra Sở được phân công nhiệm vụ quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý cây xanh đô thị có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, phát hiện và báo cáo kịp thời những hành vi vi phạm thuộc địa bàn được phân công nhiệm vụ quản lý hoặc có biện pháp xử lý kịp thời vi phạm theo thẩm quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm toàn diện trong việc phát hiện, đôn đốc, kiểm tra, xử lý và ngăn chặn không để phát sinh thêm tất cả các hành vi vi phạm quy định về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn. Các trường hợp vi phạm vượt quá thẩm quyền phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Thanh tra Sở chuyên ngành bằng văn bản để kịp thời xử lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc Phòng chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thường xuyên kiểm tra, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm quy định về quản lý công trình hạ tầng kỹ

thuật đô thị, quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn.

4. Chánh Thanh tra Sở Xây dựng hoặc thủ trưởng đơn vị thuộc Sở Xây dựng được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc xử lý các hành vi vi phạm quy định về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị (trừ các công trình trong phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông), quản lý cây xanh đô thị của chính quyền địa phương; chỉ đạo kiểm tra, giám sát, đôn đốc chính quyền địa phương xử lý các hành vi vi phạm quy định về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý cây xanh đô thị khi phát hiện chính quyền địa phương buông lỏng quản lý, xử lý không kịp thời.

5. Giám đốc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm chỉ đạo Chánh Thanh tra Sở Xây dựng hoặc thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra việc xử lý các hành vi vi phạm quy định về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố.

6. Giám đốc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm chỉ đạo Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải hoặc thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra việc xử lý các hành vi vi phạm các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trong phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải.

7. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm chỉ đạo Chánh Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông hoặc thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra việc xử lý các hành vi vi phạm các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trong phạm vi quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 12. Trách nhiệm lập biên bản vi phạm hành chính

1. Trách nhiệm của cán bộ quản lý cấp huyện, cấp xã:

a) Cán bộ quản lý cấp xã có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn, đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để kịp thời xử lý theo quy định.

b) Cán bộ quản lý cấp huyện có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn, đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để kịp thời xử lý theo quy định.

c) Trường hợp cán bộ quản lý xây dựng cấp huyện, cấp xã không kịp thời lập biên bản xử lý vi phạm hành chính theo đúng quy định thì Sở quản lý chuyên ngành có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo việc kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân buông lỏng quản lý, không kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm.

2. Trách nhiệm cán bộ, thanh tra Sở:

a) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra theo quy định, khi phát hiện công trình vi phạm, cán bộ, thanh tra Sở có trách nhiệm lập biên

bản xử lý vi phạm hành chính, chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định.

b) Trường hợp vi phạm phát hiện chưa được cán bộ cấp huyện, cấp xã xử lý kịp thời thì kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý trách nhiệm theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.

Điều 13. Ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị và các văn bản hướng dẫn thi hành (trừ các trường hợp quy định tại các Khoản 2, 3 Điều này).

2. Các trường hợp vi phạm quy định về lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt, phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt (theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt): Trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Giao thông đường bộ và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các trường hợp vi phạm quy định về lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông (theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện): Trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Viễn thông, Luật Công nghệ thông tin và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Đối với các hành vi vi phạm hành chính vượt thẩm quyền của người xử phạt thì xử lý như sau:

a) Trưởng Phòng chuyên môn cấp huyện có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Trường hợp vi phạm vượt quá thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày lập Biên bản vi phạm hành chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

c) Cán bộ Thanh tra Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tham mưu Chánh Thanh tra Sở ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền của Thanh tra viên.

d) Trường hợp vi phạm vượt quá thẩm quyền của Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành và Chánh Thanh tra Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, Chánh Thanh tra Sở báo cáo Giám đốc Sở đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm theo dõi, tổ chức thực hiện các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Chánh Thanh tra Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do mình ban hành.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và tổ chức thực hiện các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do mình ban hành; đồng thời, tổ chức thực hiện các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và tổ chức thực hiện các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do mình hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chánh Thanh tra Sở ban hành.

4. Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc thực hiện các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chánh Thanh tra các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông ban hành đối với các công trình vi phạm thuộc phạm vi quản lý.

Chương V

**TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC KHÁC CÓ LIÊN QUAN**

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan cấp Giấy phép xây dựng, thẩm định, phê duyệt thiết kế hoặc quy hoạch

1. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Giấy phép xây dựng được ban hành, cơ quan cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm cập nhật nội dung giấy phép (*Số giấy phép xây dựng, ngày cấp, diện tích xây dựng, chiều cao, số tầng, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng*) trên Hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến của thành phố (*Website: dichvucong.haiphong.gov.vn*).

2. Đối với công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định nhưng phải được Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công theo quy định, cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định có trách nhiệm cập nhật nội dung kết quả thẩm định trên Hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến của thành phố (*Website: dichvucong.haiphong.gov.vn*).

3. Cung cấp thông tin về Quy hoạch, Giấy phép xây dựng, hồ sơ thiết kế được thẩm định phê duyệt (*nếu có*) cho các cơ quan có liên quan khi có yêu cầu.

Điều 16. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

Chỉ đạo Phòng chuyên môn quản lý về xây dựng chủ trì cùng các cơ quan liên quan xử lý các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng, vi phạm quy định về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và quản lý cây xanh thuộc phạm vi

quản lý của mình.

Điều 17. Trách nhiệm của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước thành phố và Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hải Phòng phối hợp với các cơ quan xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng, vi phạm quy định về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và quản lý cây xanh đô thị trong việc thi hành quyết định xử phạt hành chính theo quy định.

2. Các Sở, ngành căn cứ các quy định pháp luật, chức năng nhiệm vụ được giao và quy chế này tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn thành phố tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đăng các tin bài có liên quan đến các hoạt động quản lý trật tự xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm ban hành quy chế phối hợp giữa phòng chuyên môn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan ở địa phương trong công tác quản lý trật tự xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và quản lý cây xanh đô thị.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan công an

1. Công an thành phố chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ, Công an các quận, huyện phối hợp với các đơn vị chức năng theo thẩm quyền đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình thi hành cưỡng chế, tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng, vi phạm công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và cây xanh đô thị theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo.

2. Xử phạt hành vi chống đối hoặc cản trở người thực hiện nhiệm vụ xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quy định tại Quy chế này theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng